CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược thú y Cai Lậy

Ngày 30/06/2025	9,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.2%	**2.2%**	**4.4%**

DT thuần
Q2/25
33.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40| 1.3%
YoY: ▲ 6.40| 23.5%

LN thuần
Q2/25
2.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.39| 15.8%
YoY: ▼1.54| -35.2%

LN sau thuế
Q2/25
2.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.31| 15.8%
YoY: ▼1.23| -35.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
8.4%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q2/25
7.2%
YoY: +/-▼ 1.7%

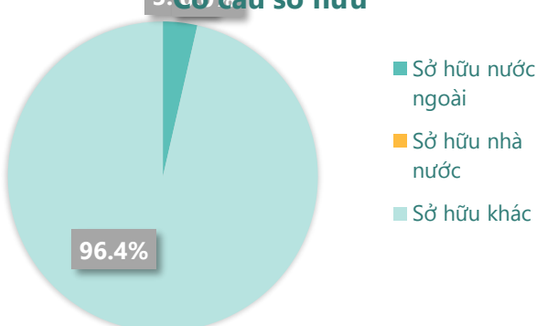
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,500 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	48
Số lượng CPLH (CP)	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,495
Sở hữu nước ngoài	3.6%
Beta	0.44
EPS	1,266
P/E	7.5

DT thuần
6T 2025
67.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.7| 30.5%

LN thuần
6T 2025
5.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.32| -19.9%

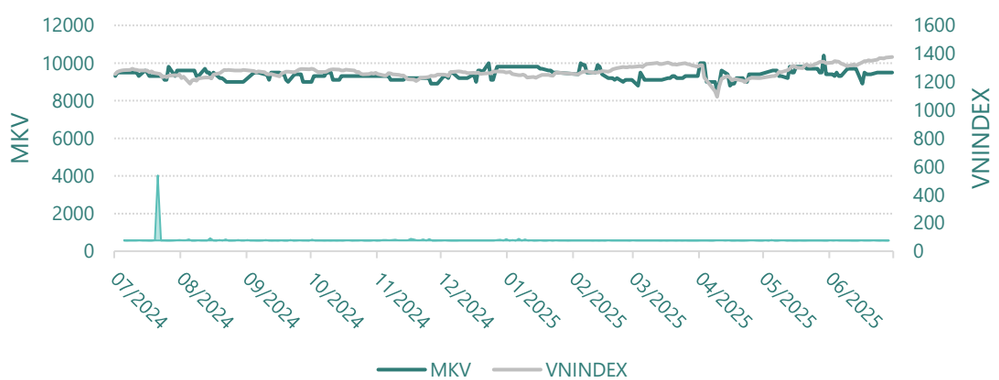
LN sau thuế
6T 2025
4.23
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.05| -20.0%

Cơ cấu sở hữu

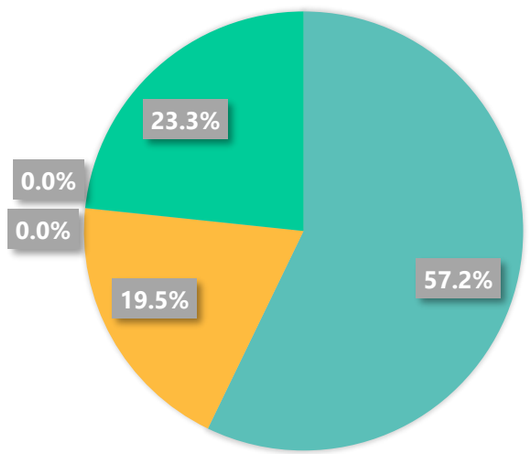


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



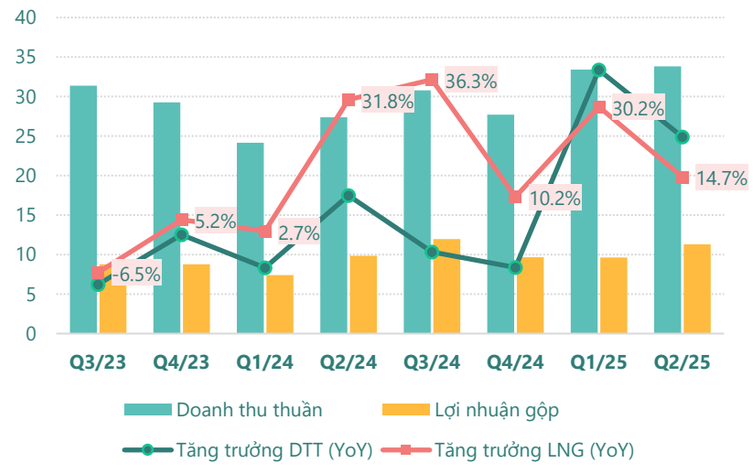
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

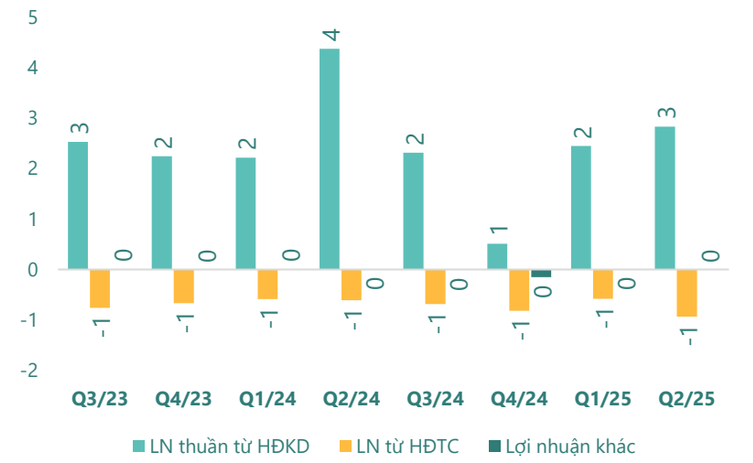
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



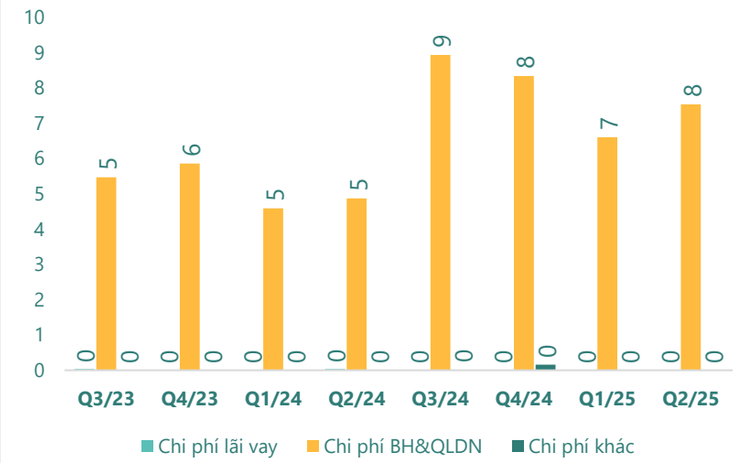
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



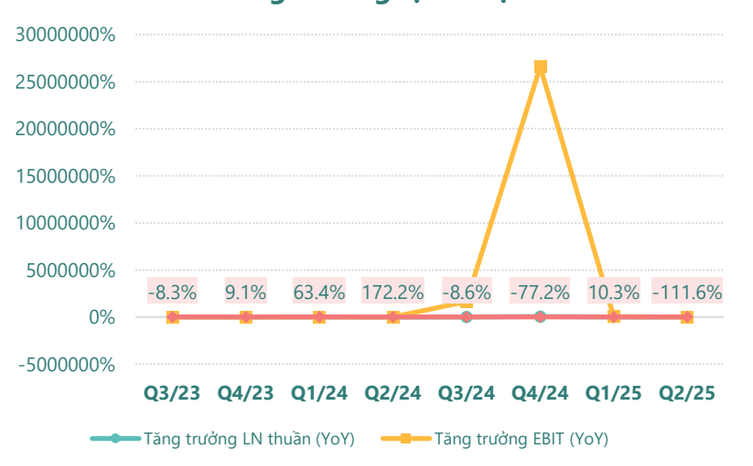
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



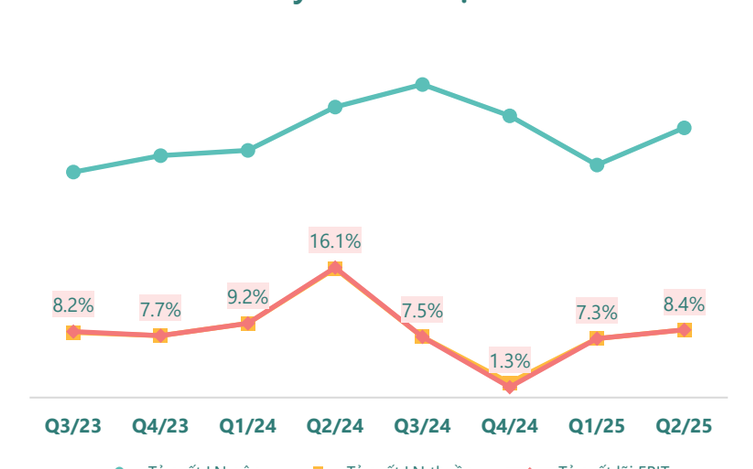
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



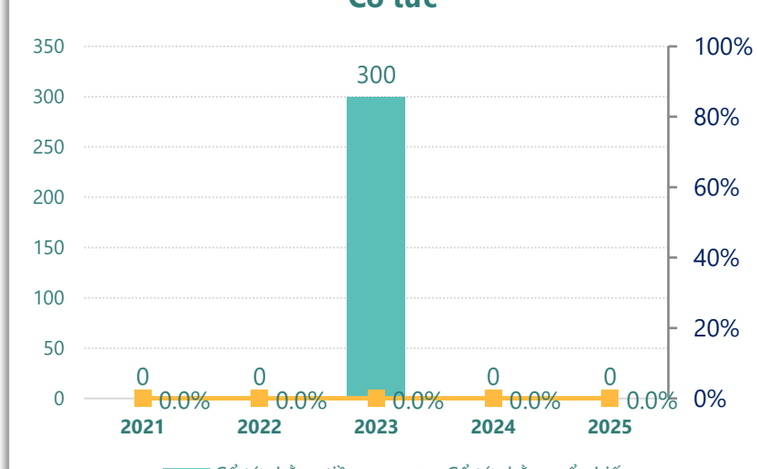
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

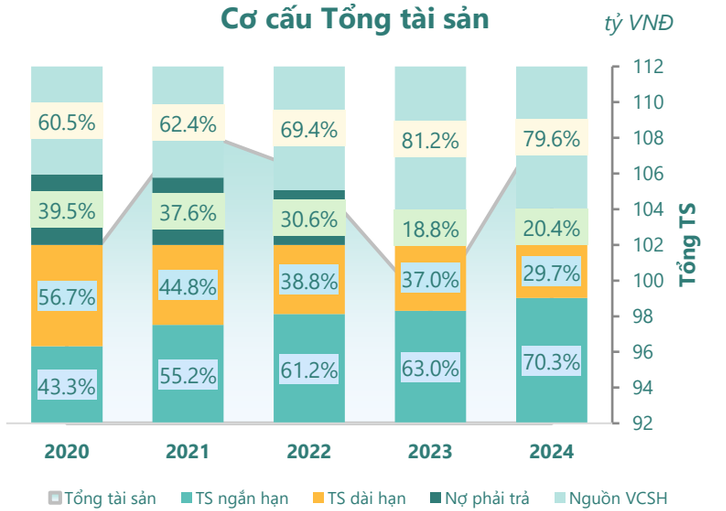
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

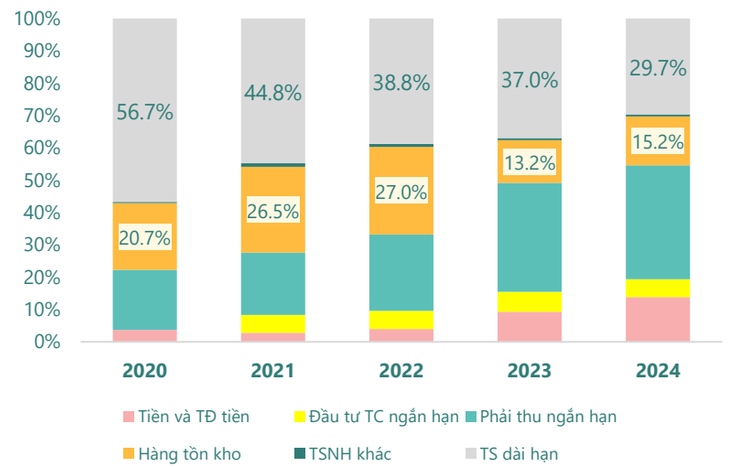
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



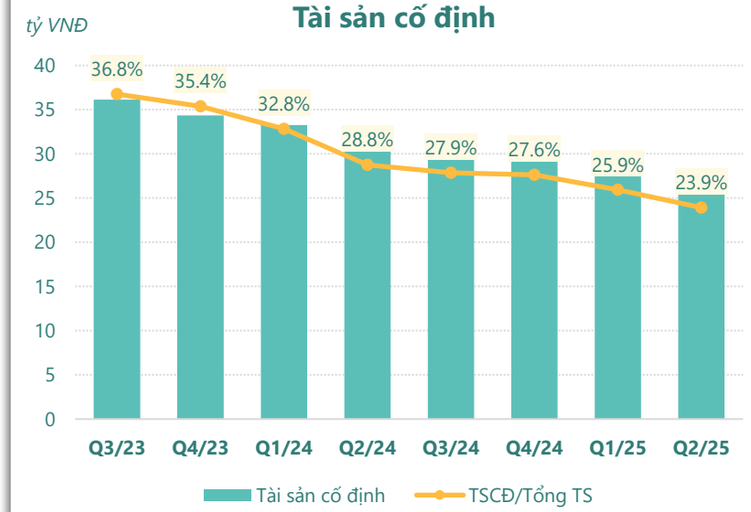
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



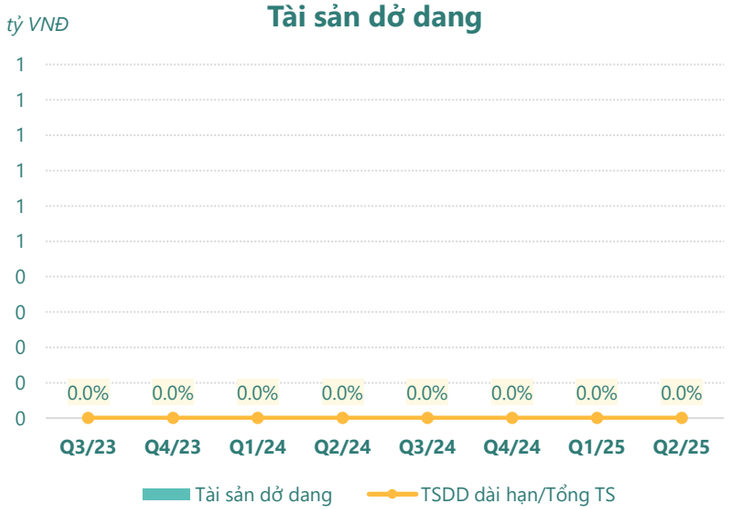
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



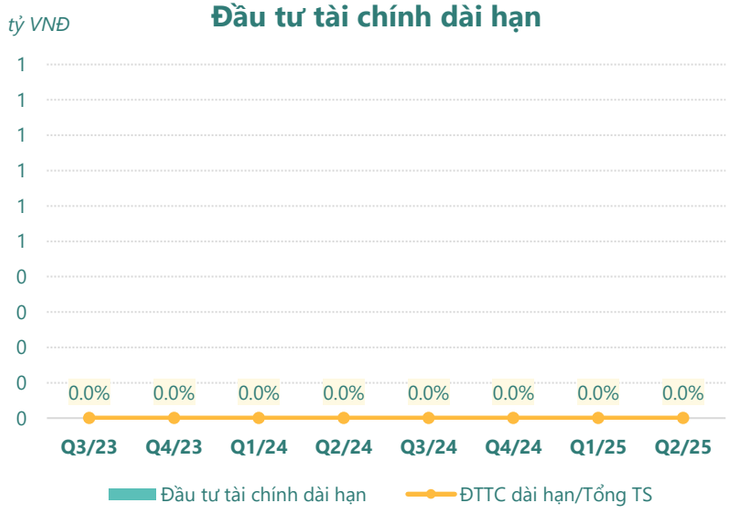
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



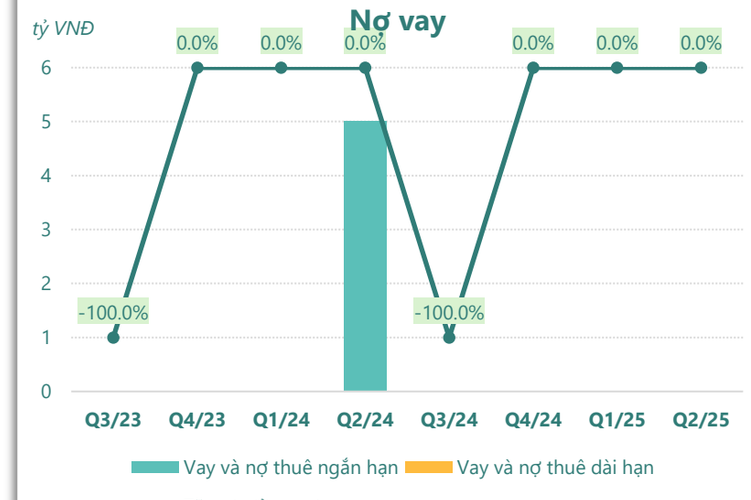
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

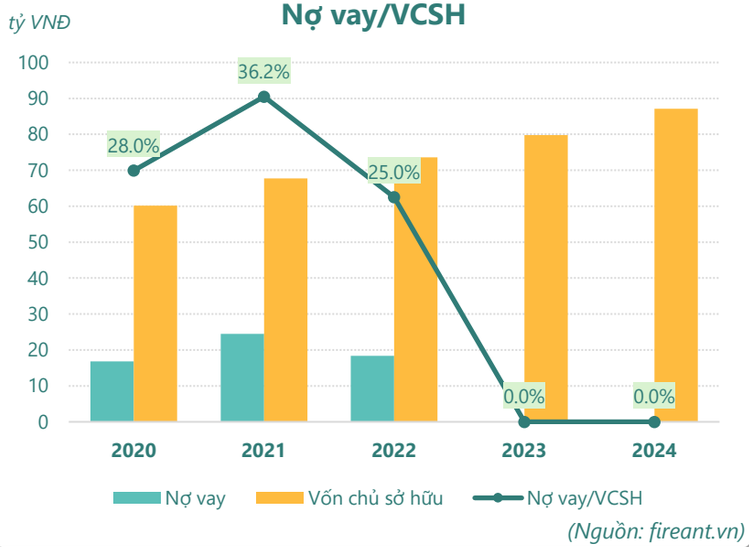
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

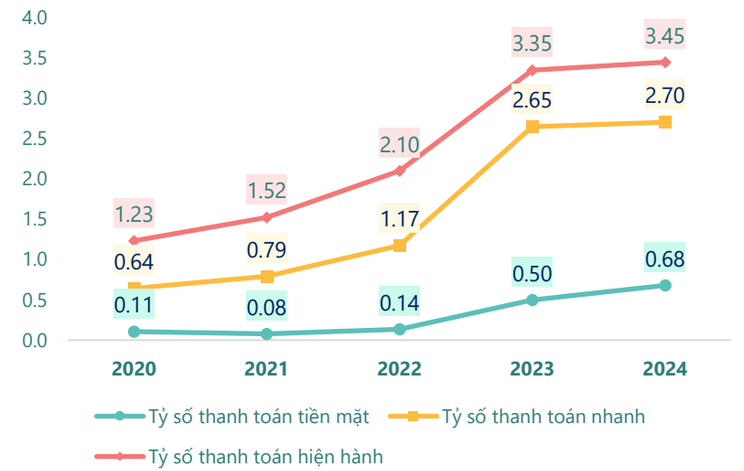
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



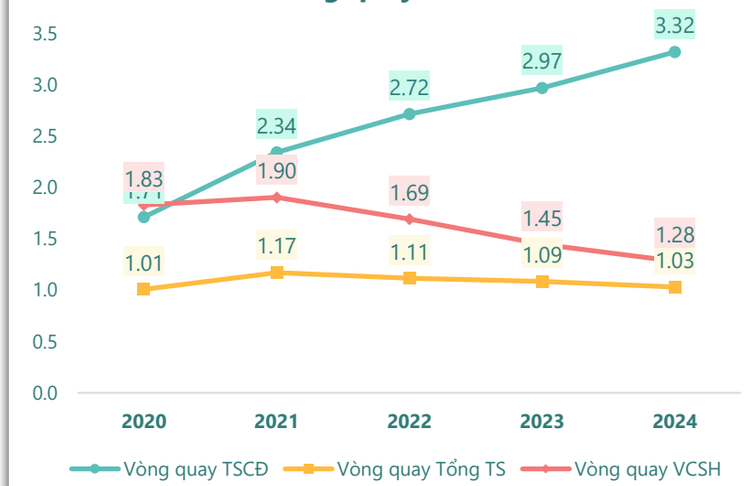
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



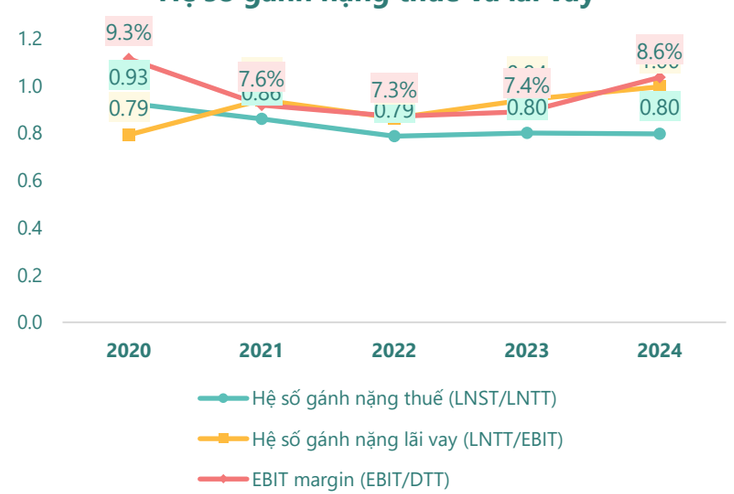
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



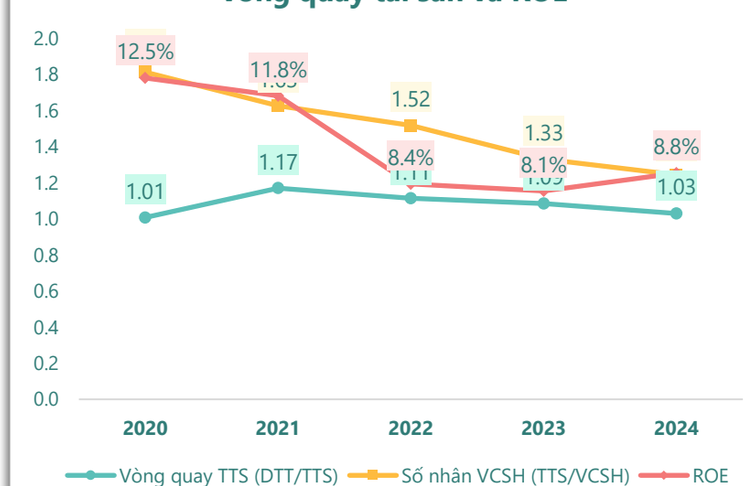
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



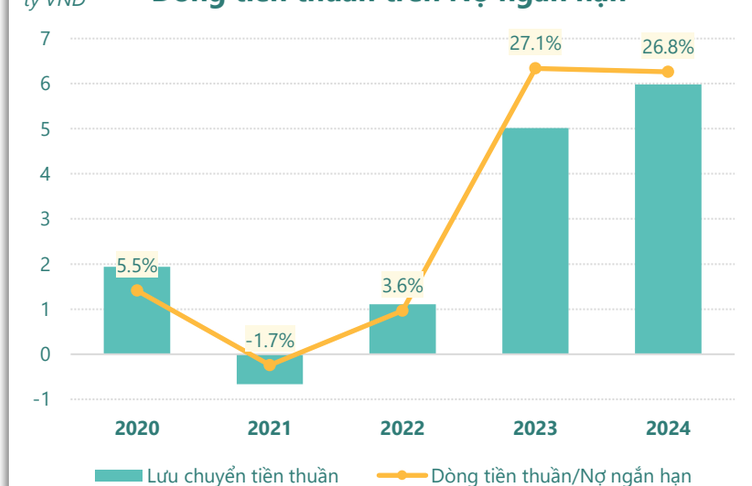
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.8**	**27.4**	**23.5%**	**67.2**	**51.5**	**30.5%**
Giá vốn hàng bán	22.5	17.5	28.7%	46.3	34.3	35.1%
Lợi nhuận gộp	11.3	9.86	14.7%	20.9	17.3	21.3%
Doanh thu HĐTC	0.17	0.12	40.3%	0.35	0.19	80.8%
Chi phí TC	1.10	0.73	51.1%	1.86	1.39	34.1%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0	0.03	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.40	3.01	79.4%	9.67	5.74	68.4%
Chi phí QLDN	**2.14**	**1.87**	**14.4%**	**4.47**	**3.72**	**20.1%**
LN thuần từ HĐKD	2.84	4.38	-35.2%	5.28	6.60	-19.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**-144%**
LN trước thuế	2.84	4.38	-35.2%	5.28	6.60	-19.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2.27**	**3.50**	**-35.2%**	**4.23**	**5.28**	**-20.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.27**	**3.50**	**-35.2%**	**4.23**	**5.28**	**-20.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.71	-1.46	7.94	3.38	2.19	5.97
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.16	0.15	0.12	-0.84	-9.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	5.01	-10.0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	9.19	9.90	13.6	11.7	15.2	16.5
Lưu chuyển tiền thuần	**0.71**	**3.71**	**-1.93**	**3.49**	**1.35**	**-3.95**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.90	13.6	11.7	15.2	16.5	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**117**	**109**	**7.1%**
Tài sản ngắn hạn	87.6	77.0	13.8%
Tiền và tương đương tiền	12.6	15.2	-17.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	6.00	16.7%
Phải thu ngắn hạn	50.9	38.5	32.1%
Hàng tồn kho	16.2	16.6	-2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	0.63	55.3%
Tài sản dài hạn	**29.6**	**32.5**	**-8.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	28.0	30.1	-6.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.55**	**2.37**	**-34.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.9	22.3	15.8%
Nợ ngắn hạn	**25.9**	**22.3**	**15.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.29	1.54	309%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**91.4**	**87.1**	**4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**91.4**	**87.1**	**4.9%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)